

Bản án số: 07/2022/DSST

Ngày: 23/8/2022

*“V/v: Yêu cầu thực hiện nghĩa
vụ tài sản do người chết để lại”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỐ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Luyến;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Dung – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phố Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên

Trong ngày 22 và 23/8/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2022/TLST – DS ngày 13 tháng 4 năm 2022, vụ kiện *“Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (viết tắt: Vietinbank).

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh Bình - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đơn vị được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng: Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Trụ sở chi nhánh: Đường Thắng Lợi, phường Mỏ Chè, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (nay là thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh S - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công;

Địa chỉ: Số 02, đường Thắng Lợi, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

(Theo văn bản ủy quyền số 1278 /UQ – HĐQT – NHCT ngày 30/9/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam)

2. Bị đơn:

2.1. Chị Phạm Thị P, sinh năm 1982 (là vợ của anh Tuấn đã chết);

2.2. Cháu Nguyễn Tấn M, sinh năm 2007 (là con của anh Tuấn);

2.3. Cháu Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2011 (là con của anh Tuấn);

Đều trú tại: TDP Sơn Trung, phường Bắc Sơn, thành phố Phổ Yên, Thái Nguyên.

(Giám hộ hợp pháp cho cháu M và cháu Đ : chị Phạm Thị P là mẹ đẻ).

2.4. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1950 – Là bố đẻ của ông T ;

2.5. Bà Ngô Thị N, sinh năm 1953 – Là mẹ đẻ của ông T ;

Đều trú tại: Xóm Hồ 2, xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

(Là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Nguyễn Văn Tuấn)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

1. Chị Phạm Thị P, sinh năm 1982;

Địa chỉ: TDP Sơn Trung, phường Bắc Sơn, thành phố Phổ Yên, Thái Nguyên.

2. Bà Đào Thị T, sinh năm 1959;

3. Ông Phạm Bá T, sinh năm 1956;

Đều trú tại: Xóm Bãi Hu, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên, Thái Nguyên.

(Có mặt đại diện Ngân hàng và chị P ; vắng mặt ông D , bà N , ông T , bà T – do đều có đơn xin vắng mặt từ chối tham gia tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

** Nguyên đơn ông Trần Anh S – là đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sông Công trình bày lời khai:*

Ông Nguyễn Văn T, đại diện hộ kinh doanh Nguyễn Văn T (theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cá thể số 01.1897 do UBND huyện Phổ Yên cấp lần đầu ngày 24/8/2005, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 19/8/2019) có phát sinh hợp đồng vay hạn mức với ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công, Thái Nguyên. Theo đó, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sông Công đã cho ông Nguyễn Văn T vay tiền tại Hợp đồng cho vay hạn mức số 017/2020-HĐCVHM/NHCT222 ngày 13/03/2020, hạn mức cho vay 3.000.000.000 đồng, số tiền đã giải ngân: 2.500.000.000 đồng, số tiền đã trả nợ 396.000.000 đồng. Dư nợ đến ngày 22/8/2022 là: **2.544.772.045** (Hai tỷ, năm trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi hai ngàn không trăm bốn mươi lăm

đồng), trong đó: Nợ gốc: 2.104.000.000đ; Nợ lãi trong hạn 297.816.566đ; Nợ lãi quá hạn 142.955.479đ.

Khoản vay trên được bảo đảm bằng các tài sản thế chấp sau:

1. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 032.017.02/2020/HĐBĐ/NHCT222 ngày 17/03/2020. Tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 2013, tờ bản đồ số 68; Địa chỉ thửa đất: Phường Bắc Sơn, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; diện tích 128 m² đất ở đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài; Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AD 493452 do UBND huyện Phổ Yên (nay là UBND thành phố Phổ Yên) cấp ngày 14/04/2006. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Số: 00266/Số:1182/QĐ-UBND, mang tên ông Nguyễn Văn T .

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 2014, tờ bản đồ số 68; Địa chỉ thửa đất: Phường Bắc Sơn, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; diện tích 100m² đất ở đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài; Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BB 158778 do UBND huyện Phổ Yên (nay là UBND thành phố Phổ Yên) cấp ngày 28/06/2010. Số vào sổ cấp GCN: 00249 /QSĐĐ/6623/QĐ-UBND, mang tên ông Nguyễn Văn T .

2. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 032.017.02/2020/HĐBĐ/NHCT222 ngày 12/03/2020. Tài sản gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 1385, tờ bản đồ số 54; Địa chỉ thửa đất: xóm Bãi Hu, xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; Diện tích 98m² đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng lâu dài; nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AC 620204 do UBND huyện Phổ Yên (Này là UBND thành phố Phổ Yên) cấp ngày 05/08/2005. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00030/QSĐĐ/2895/ QĐ - UBND, mang tên bà Đào Thị T .

Quá trình thực hiện hợp đồng, phía ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân số tiền vay theo như Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Người vay cũng đã trả số tiền 396.000.000đ (Ba trăm chín mươi sáu triệu) là khoản tiền nợ gốc cho ngân hàng. Số tiền nợ gốc còn lại là: 2.104.000.000đ (Hai tỷ một trăm linh bốn triệu đồng chẵn) và khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 15/03/2021 cho đến nay.

Do ông Nguyễn Văn T đã chết, ngân hàng cũng đã tiến hành làm việc với những người thừa kế của ông T là chị P và bố mẹ anh T cùng các bên thế chấp tài sản bảo đảm. Tuy nhiên, gia đình anh T và những người liên quan không thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng. Do người vay là anh Nguyễn Văn T đã chết. Nay ngân hàng khởi kiện với những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Tuấn phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại cụ thể như sau:

1. Buộc chị P và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Sông Công toàn bộ số tiền nợ gốc cùng tiền lãi tạm tính đến

ngày xét xử sơ thẩm (22/8/2022) tổng nợ là **2.544.722.045đ**, trong đó, nợ gốc: 2.104.000.000đ; lãi trong hạn: 297.816.566đ; lãi quá hạn: 142.955.479đ. Ngân hàng yêu cầu trả làm một lần toàn bộ khoản tiền gốc và lãi nêu trên, không đồng ý phương án trả nợ theo kỳ.

2. Buộc chị P và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh T tiếp tục trả nợ quá hạn cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Sông Công theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc thực tế kể từ ngày Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Sông Công nộp đơn khởi kiện cho đến khi thi hành án xong theo quy định của pháp luật.

3. Về xử lý tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp đề nghị Toà án tuyên xử: Trường hợp bị đơn (những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Tuấn), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Sông Công có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai chị Phạm Thị P – là bị đơn trình bày:

Chị là vợ của anh Nguyễn Văn T. Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Nguyễn Tấn M, sinh năm 2007 và Cháu Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2011. Bố mẹ anh Tuấn là ông Nguyễn Văn D, bà Ngô Thị N vẫn còn sống và đang cư trú tại xóm Hồ 2, xã Minh Đức, Phổ Yên, Thái Nguyên.

Khi còn sống anh T có ký kết hợp đồng cho vay hạn mức số 017/2020 ngày 13/3/2020 của Ngân hàng Công Thương số tiền được giải ngân là 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng), mục đích để kinh doanh ăn uống và dịch vụ phong bật đám hiếu hỉ. Ngày 11/12/2020, do mắc bệnh hiểm nghèo chồng chị đã chết. Sau khi chồng chị chết, gia đình đã cố gắng thu xếp để trả cho ngân hàng số tiền 396.000.000đ (Ba trăm chín mươi sáu triệu) tiền gốc của khoản nợ. Sau đó thì không có khả năng để trả nợ cho ngân hàng một lúc số tiền lớn như theo yêu cầu của phía ngân hàng. Khoản nợ của anh T tại ngân hàng đã quá hạn từ ngày 15/3/2021 như phía ngân hàng trình bày, chị không có ý kiến gì vì cũng đã được làm việc với ngân hàng nhiều lần. Tuy nhiên, do điều kiện quá khó khăn, chồng mất, một mình nuôi hai con nhỏ ăn học nên không có khả năng tiếp tục trả cho ngân hàng.

Đối với khối tài sản do anh T để lại, chị và những người thừa kế là các con và bố mẹ của anh T chưa họp để phân chia, hiện tại chị vẫn là người đang quản lý khối di sản của anh T gồm đất và tài sản gắn liền với đất thuộc TDP Sơn Trung, phường Bắc Sơn, gồm 02 thửa đất 2013, 2014 tờ bản đồ số 4 (68).

Hiện nay, phía ngân hàng có đơn khởi kiện đến Toà án yêu cầu những người thừa kế của anh Tuấn có trách nhiệm thanh toán khoản tiền vay của anh T tại ngân hàng. Chị xác định là vợ của anh Tuấn, khoản vay mặc dù để kinh doanh do anh T đứng tên nhưng chị cũng cùng kinh doanh nên xác định là khoản nợ chung của vợ chồng và có trách nhiệm thu xếp để trả khoản nợ của

anh T cho ngân hàng. Chị cũng đề nghị ngân hàng cho được trả nợ dần mỗi tháng 30.000.000đ cho đến khi hết nợ, nhưng Ngân hàng không đồng ý.

Chị là đại diện hợp pháp cho hai con chung giữa chị với anh T, chị làm giám hộ hợp pháp cho hai con và đại diện cho hai con khi tham gia tố tụng tại Tòa án. Các con còn nhỏ nên xin được vắng mặt.

Trong quá trình tìm kiếm giấy tờ tài liệu của anh T thì chị phát hiện còn 01 hợp đồng bảo hiểm của khoản tiền vay. Tuy nhiên, gia đình chị không nắm rõ về hợp đồng bảo hiểm này được thanh toán như thế nào. Chị đề nghị ngân hàng giải thích được rõ về khoản bảo hiểm trên. Anh T có được thanh toán không. Nếu được thanh toán thì đề nghị được khấu trừ vào khoản nợ.

Tại bản tự khai ông Nguyễn Mạnh D – là bị đơn trình bày:

Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Văn T – là bị đơn trong vụ án thực hiện nghĩa vụ trả nợ do người chết để lại. Anh T và chị P sau khi kết hôn năm 2006 anh chị ra ở riêng. Việc anh T và chị P vay tiền ngân hàng để đầu tư kinh doanh như nào vợ chồng ông không được biết, cho đến khi anh T chết, ngân hàng thông báo khoản nợ đến hạn phải trả thì ông mới được biết. Hiện nay hoàn cảnh của chị Phúc rất khó khăn, gia đình ông cũng không giúp được gì nhiều, toàn bộ tài sản và công sức kinh doanh để lại là do chị Phúc vẫn đang quản lý, sử dụng. Vì vậy, chị P có trách nhiệm trả nợ chính. Tuy nhiên, ông cũng đề nghị Tòa án và phía ngân hàng có phương án để chị P được trả nợ dần thành các khoản nhỏ vì chị P gặp nhiều khó khăn.

Do tuổi cao, sức khỏe không tốt, không thể đi lại đến Tòa án tham gia tố tụng nên ông đề nghị Tòa án cho vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên xét xử, ông không có ý kiến thắc mắc gì việc Tòa án đã giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai bà Ngô Thị N – là bị đơn trình bày:

Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T, bà thống nhất lời trình bày của ông Dần (chồng bà) và cũng là là bị đơn trong vụ án thực hiện nghĩa vụ trả nợ do người chết để lại. Anh T và chị P sau khi kết hôn năm 2006 anh chị ra ở riêng. Việc anh T và chị P vay tiền ngân hàng để đầu tư kinh doanh như nào vợ chồng bà không được biết, cho đến khi anh T chết, ngân hàng thông báo khoản nợ đến hạn phải trả thì bà mới được biết. Hiện nay hoàn cảnh của chị P rất khó khăn, gia đình ông cũng không giúp được gì nhiều, toàn bộ tài sản và công sức kinh doanh để lại là do chị P vẫn đang quản lý, sử dụng. Vì vậy, chị Phúc có trách nhiệm trả nợ chính. Tuy nhiên, bà cũng đề nghị Tòa án và phía ngân hàng có phương án để chị P được trả nợ dần thành các khoản nhỏ vì chị P gặp nhiều khó khăn.

Do tuổi cao, sức khỏe không tốt, không thể đi lại đến Tòa án tham gia tố tụng nên bà đề nghị Tòa án cho vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên xét xử, bà không có ý kiến thắc mắc gì việc Tòa án đã giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai bà Đào Thị Tuyết và ông Phạm Bá Thành trình bày:

Về Hợp đồng thế chấp QSD đất vào năm 2020 vợ chồng ông bà đã bảo lãnh thế chấp bằng quyền sử dụng đất cho anh T và chị P vay ngân hàng Công thương Sông Công để làm ăn. Tuy nhiên, sau khi vay anh Tuấn là con rể ông bà bị bệnh hiểm nghèo không qua khỏi nên khoản vay ngân hàng hơn 2 tỷ một mình chị P (con gái ông bà) phải gánh chịu. Việc thế chấp ngân hàng đối với thửa đất số 1385, tờ bản đồ 54, diện tích 98m² đất ở tại xóm Bãi Hu, xã Phúc Thuận là của vợ chồng ông bà. Nay chị P phải gánh chịu khoản nợ nên đề nghị Ngân hàng cho chị Phúc trả góp hàng tháng. Việc xử lý tài sản thế chấp nếu chị P không trả được nợ đề nghị xử lý tài sản thế chấp của chị P và anh T chứ không được xử lý tài sản thế chấp của ông bà.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Phổ Yên phát biểu quan điểm:

- *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 26, 35, 39 BLTTDS về thẩm quyền thụ lý; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố tụng; Điều 96, 97 BLTTDS về xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ; Điều 195, 196 BLTTDS về việc thụ lý, giao nhận Thông báo thụ lý vụ án cho VKS và đương sự; Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử; Điều 205, 208, 209, 210, 211 BLTTDS về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.*

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn, đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 75, 76, 86 BLTTDS năm 2015 và cũng tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 234 BLTTDS năm 2015;

+ Ý kiến giải quyết vụ án:

** Về yêu cầu trả nợ theo hợp đồng tín dụng*

Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Sông Công có đăng ký kinh doanh và hoạt động theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn T là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự. Đối với Hợp đồng cho vay số 017/2020/HĐCVHM/NHCT222 ngày 13/3/2020 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công (hợp đồng 017/2020) với ông Nguyễn Văn Tuấn được lập hợp pháp. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 032.017.02/2020/HĐBĐ/NHCT222 ngày 17/3/2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 032.017.02/2020/HĐBĐ/NHCT222 ngày 12/3/2020 được lập bằng văn bản, có

công chứng của Công chứng viên nên các hợp đồng này hợp pháp và có hiệu lực.

Ngoài ra, tại Giấy chứng nhận điện tử bảo hiểm người vay vốn số 021020070337 giữa Bảo hiểm Vietinbank và ông Nguyễn Văn T thể hiện anh Tuấn tham gia bảo hiểm có Quyền lợi bảo hiểm chính: Điều kiện A: Tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn; Số tiền bảo hiểm 1.000.000.000 đồng. Đến ngày 11/12/2020 ông Tuấn đã chết do bị bệnh nên không được hưởng bảo hiểm theo hợp đồng trên.

Theo hợp đồng cho vay số 017/2020/HĐCVHM/NHCT222 ngày 13/3/2020 và các giấy nhận nợ ngày 13/3/2020, 17/3/2020, 18/3/2020, 23/3/2020 thì ông Tuấn đã vay của ngân hàng Vietinbank Sông Công 2.500.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là 12 tháng đối với từng khoản vay. Tính đến ngày 25/4/2022 ông Tuấn đã trả được 396.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn nợ gốc 2.104.000.000 đồng và toàn bộ tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn đều chưa trả. Do đó, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ hợp đồng số 017/2020 theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Ông T chết có để lại di sản, nay Vietinbank Sông Công yêu cầu bà P, cháu M, cháu Đ, ông D, bà N (là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T) trả nợ cho ngân hàng khoản nợ ông T đã vay là có căn cứ theo quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự.

** Về yêu cầu trả nợ theo lãi suất quá hạn cho đến khi thi hành án xong:* Yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 357, 468 BLDS.

** Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo:* Yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 299 BLDS.

Do đó, căn cứ các Điều 299, 357, 463, 466, 468, 615 BLDS:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Sông Công, buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng số 017/2020 trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Văn Tuấn để lại. Trường hợp bị đơn không trả đúng hạn thì phải chịu lãi suất chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

- Trường hợp các bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tiến hành xử lý tài sản đảm bảo trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 032.017.02/2020/HĐBĐ/NHCT222 ngày 17/3/2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 032.017.02/2020/HĐBĐ/NHCT222 ngày 12/3/2020 theo quy định.

- Về án phí:

Căn cứ Điều 147, 157 BLTTDS, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng có liên quan theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện VKS phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị P là vợ chồng hợp pháp, anh chị có hai con chung. Khi còn sống Anh Tuấn có ký hợp đồng vay tài sản hạn mức với Ngân hàng TMCP Việt Nam – Chi nhánh Sông Công. Sau khi được giải ngân sử dụng tiền, anh Tuấn đã chết. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị Phúc, các con của anh Tuấn và bố mẹ đẻ anh T phải trả khoản nợ do anh T vay. Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng dân sự: “*Thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*” theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, căn cứ theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về tư cách tham gia tố tụng của đương sự:* Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại là khoản nợ trong hợp đồng hạn mức của anh Nguyễn Văn T với Ngân hàng Công thương – Chi nhánh Sông Công, anh Tuấn đã chết nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh T gồm: Vợ hợp pháp, các con đẻ và bố mẹ đẻ anh Tuấn là bị đơn trong vụ kiện theo quy định tại Điều 651 của Bộ luật dân sự. Các con của anh T gồm: cháu Nguyễn Tấn M, sinh năm 2007; Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2011 (chưa trưởng thành). Do vậy, chị Phạm Thị P (là mẹ đẻ các con) là giám hộ đương nhiên của các con tham gia tố tụng trong vụ án theo quy định tại Điều 52, Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật dân sự.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn bà Ngô Thị Nghi, ông Nguyễn Văn Dần và các con của chị P và anh T (cháu M, cháu Đ) vắng mặt: ông D, bà N có đơn xin vắng mặt; cháu Minh, cháu Đức vắng mặt nhưng có chị Phúc là giám hộ đương nhiên của con chưa thành niên; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị T, ông Phạm Bá T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[1.4]. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành các biện pháp xác minh thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân thành phố Phổ Yên tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. *Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với khoản tiền gốc:*

Anh Nguyễn Văn T là hộ kinh doanh cá thể, được UBND huyện Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên) cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cá thể số 01.1897 do UBND huyện Phổ Yên cấp lần đầu ngày 24/8/2005, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 19/8/2019) có phát sinh hợp đồng vay hạn mức với ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công. Theo đó, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sông Công đã cho anh Nguyễn Văn T vay tiền tại Hợp đồng cho vay hạn mức số 017/2020-HĐCVHM/NHCT222 ngày 13/03/2020, hạn mức cho vay 3.000.000.000 đồng, số tiền đã giải ngân: 2.500.000.000 đồng, số tiền đã trả nợ 396.000.000 đồng.

Sau khi giải ngân, anh Tuấn thực hiện kinh doanh rồi bị bệnh, anh T chết ngày 11/12/2020 (chết bệnh). Do vậy, khoản tiền vay của anh Tuấn đối với Ngân hàng chưa thực hiện thanh toán, mặc dù ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở đối với chị P (là vợ), nhưng chị P không thực hiện trả nợ khoản tiền anh T vay trên hợp đồng hạn mức đã ký kết. Dư nợ đến ngày 23/8/2022 là: **2.545.593.470** (Hai tỷ, năm trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm chín mươi ba ngàn bốn trăm bảy mươi đồng), trong đó: Nợ gốc: 2.104.000.000đ; Nợ lãi trong hạn 298.364.182đ; Nợ lãi quá hạn 143.229.288đ.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Thời điểm vay tiền anh Tuấn là người đứng ra ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 017/2020-HĐCVHM/NHCT222 ngày 13/03/2020 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Sông Công (hợp đồng 017/2020) với anh Nguyễn Văn T. Do anh T là hộ kinh doanh cá thể, một mình anh T ký hợp đồng với Ngân hàng. Tuy chỉ một mình anh Tuấn ký và nhận tiền giải ngân và thực hiện kinh doanh nhưng chị P là người hỗ trợ thực hiện giúp anh T kinh doanh. Anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ (hợp đồng số 017/2020) theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Nay ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Sông Công khởi kiện yêu cầu chị Phúc, cháu M, cháu Đ, ông D, bà N (là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Tuấn) trả nợ cho ngân hàng khoản nợ ông Tuấn đã vay là có căn cứ theo quy định tại Điều 615 và Điều 651 của Bộ luật Dân sự.

Tại phiên toà chị Phúc thừa nhận khoản tiền anh Tuấn vay mục đích kinh doanh để có lợi nhuận phục vụ cho mục đích sinh hoạt gia đình hàng ngày, đó là khoản vay chung của vợ chồng chị trong thời kỳ hôn nhân. Nay anh T chết chị chịu trách nhiệm trả nợ nhưng do hoàn cảnh khó khăn, hiện chị vẫn tiếp tục kinh doanh của hàng ăn uống do chồng để lại. Tuy nhiên, chị đề nghị Ngân hàng cho thực hiện trả dần đến khi xong khoản nợ. Do đó đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc chị P và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Tuấn phải thực hiện trả toàn bộ khoản tiền gốc là **2.104.000.000đ** là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện

[2.2]. Đối với số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn:

Về lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn được quy định tại Điều 2 mục (iv) của Hợp đồng vay hạn mức số 017/2020-HĐCVHM/NHCT222 ngày 13/03/2020, lãi

suất 10,5%/năm, trong đó lãi suất được điều chỉnh 01 tháng /lần. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn như thỏa thuận tại Điều 2.01(a). Sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Hội đồng xét xử thấy: Sự thỏa thuận về mức lãi suất cho vay của các bên là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên toà Ngân hàng đã xuất trình sao kê bảng tính lãi trên hệ thống của các tổ chức tín dụng. Việc tính lãi trong hạn và quá hạn đã phù hợp với quy định của pháp luật, không vượt quá lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do vậy, chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn theo quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/8/2022 khoản tiền lãi trong hạn là: 298.364.182đ; Nợ lãi quá hạn 143.229.288đ, nên buộc bị đơn (là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Tuấn) có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản tiền lãi được tính toán nêu trên cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sông Công.

[2.3]. Về lãi suất chậm trả: Chị P và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng vay cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng vay các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng mà bị đơn vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng và cũng phù hợp với Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày QĐ - CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

[2.4]. Xét về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Việc anh T thế chấp chính tài sản của mình và tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân đảm bảo cho khoản tiền vay; người liên quan ông Thành, bà Tuyết tự nguyện thế chấp tài sản để đảm bảo cho anh Tuấn vay tiền phục vụ mục đích kinh doanh được Ngân hàng ký kết với các bên đúng theo trình tự, nội dung của phạm vi bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của bên thế chấp, gồm:

1. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 032.017.02/2020/HĐBĐ/NHCT222 ngày 17/03/2020. Của anh Tuấn và chị Phúc:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 2013, tờ bản đồ số 68; Địa chỉ thửa đất: Phường Bắc Sơn, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; diện tích 128 m² đất ở đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài; Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AD 493452 do UBND huyện Phổ Yên (nay là UBND thành phố Phổ

Yên) cấp ngày 14/04/2006. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Số: 00266/Số:1182/QĐ-UBND, mang tên anh Nguyễn Văn T .

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 2014, tờ bản đồ số 68; Địa chỉ thửa đất: Phường Bắc Sơn, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; diện tích 100m² đất ở đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài; Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BB 158778 do UBND huyện Phổ Yên (nay là UBND thành phố Phổ Yên) cấp ngày 28/06/2010. Số vào sổ cấp GCN: 00249 /QSĐĐ/6623/QĐ-UBND, mang tên ông Nguyễn Văn T . Giá trị được bảo đảm của tài sản là: **2.166.000.000đ**

2. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 032.017.02/2020/HĐBĐ/NHCT222 ngày 12/03/2020. Tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 1385, tờ bản đồ số 54; Địa chỉ thửa đất: xóm Bãi Hu, xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; Diện tích 98m² đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng lâu dài; Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AC 620204 do UBND huyện Phổ Yên (Đây là UBND thành phố Phổ Yên) cấp ngày 05/08/2005. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00030/QSĐĐ/2895/ QĐ_UBND, mang tên bà Đào Thị T .

Giá trị bảo đảm của tài sản thế chấp là: **882.000.000đ**

Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và đo đất đối với các tài sản thế chấp là QSD đất kèm theo hợp đồng vay hạn mức là tài sản của anh Tuấn, chị Phúc; tài sản của ông Thành, bà Tuyết. Kết quả thẩm định và đo đất thực tế tài sản bảo đảm không có biến động tăng thêm. Tại Điều 2, tiểu mục 2.01, điểm b thể hiện: *“Các tài sản gắn liền với thửa đất thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp và sẽ hình thành trong tương lai đều thuộc quyền sở hữu của Ngân hàng”*.

Tại biên bản lấy lời khai ông Thành và bà T thừa nhận có ký hợp đồng thế chấp nhưng không đồng ý xử lý tài sản thế chấp. Xem xét Hợp đồng thế chấp của Bà T và ông T được thực hiện ký hợp đồng thế chấp, hợp đồng uỷ quyền được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nam Thái đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tại Điều 177 Bộ luật Dân sự quy định về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự khi có đủ các điều kiện:

“1. Giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập;*
- b) Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện;*
- c) Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.*

2. Hình thức của giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự trong trường hợp luật có quy định.

Vì vậy, xác định hợp đồng thế chấp QSD đất giữa anh T , chị P ; giữa bà Đào Thị T , ông Phạm Bá T với Ngân hàng là giao dịch hợp pháp. Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng là có căn cứ cần chấp nhận. Theo quy định tại Điều 5 của của các Hợp đồng thế chấp (phần xử lý tài sản thế chấp); phù hợp với quy định về quyền của Ngân hàng được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ đã được 02 bên thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp theo quy định của pháp luật (Điểm a Mục 5.01 Điều 5). Do đó, trong trường hợp bị đơn không thanh toán các khoản nợ và lãi suất phát sinh trên thì việc xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận theo Điều 299, Điều 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có toàn quyền xử lý tài sản thế chấp là QSD đất và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất của anh T , chị P ; ông Thành, bà T để đảm bảo việc thu hồi khoản nợ.

[3]. Đối với Hợp đồng bảo hiểm khoản tiền vay: Theo Hợp đồng bảo hiểm tiền vay anh T ký với Công ty bảo hiểm Vietinbank số 021020070337 ngày 18/3/2020. Thông tin người được bảo hiểm là anh Nguyễn Văn Tuấn, sinh năm 1979; quyền lợi được bảo hiểm chính: Điều kiện A: Tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn. Quyền lợi bổ sung: Bảo hiểm thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn.

Tại thông báo tiếp nhận hồ sơ ngày 10/01/2021; Công văn số 656/CV – VB13 ngày 19/8/2022 Công ty Bảo hiểm Vietinbank (VBI) cung cấp thông tin:

Căn cứ trích lục khai tử số 398/TLJT – BS ngày 15/12/2020 và nội dung khai tử số 25 ngày 15/12/2020 của UBND phường Bắc Sơn, thị xã Phổ Yên do bà Phạm Thị Phúc khai nguyên nhân tử vong của anh Nguyễn Văn T là do: bệnh. Căn cứ tóm tắt quyền lợi bảo hiểm và hướng dẫn hồ sơ yêu cầu trả tiền (bộ phận đính kèm và không tách rời giấy chứng nhận bảo hiểm của ông Nguyễn Văn Tuấn) thì nguyên nhân chết bệnh của ông Tuấn không được hưởng quyền lợi bảo hiểm như hợp đồng.

Từ căn cứ nêu trên Hội đồng thấy không có căn cứ để xem xét, cũng tại phiên toà sau khi nghe giải thích về quyền lợi bảo hiểm của anh T , chị P nhất trí không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này trong vụ án.

[4] Chi phí đo đất, thẩm định tài sản: Yêu cầu của Ngân hàng đối với bị đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí đo đất, xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước và chi phí hết số tiền 5.000.000đ, nên buộc bị đơn (chị P) có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), theo quy định tại khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Căn cứ Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 13.

Ông Nguyễn Văn D, bà Ngô Thị N là người cao tuổi và hai con của chị Phúc với anh Tuấn chưa thành niên nên được miễn nộp án phí sơ thẩm

Buộc chị Phúc phải chịu án phí có giá ngạch đối với tổng số tiền yêu cầu khởi kiện: **2.545.593.470**, (72.000.000đ + 2% giá trị tranh chấp vượt quá 2.000.000.000đ) = 82.900.000đ/5 (kỷ phần) = 16.580.000đ.

(chia theo tỷ lệ của bị đơn chị P phải chịu án phí là: **16.580.000đ** (*Bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng*).

Trả lại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sông Công tiền tạm ứng án phí đã nộp **40.250.000đ** (*Bốn mươi triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số sê ri 0002132 ngày 12/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Về quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tại phiên toà là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 299, Điều 323, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 611, 614, Điều 615, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 56, khoản 1 điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Sông Công về việc "*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*" đối với bị đơn (chị Phạm Thị P và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Tuấn).

2. Buộc chị Phạm Thị P, bà Ngô Thị N, ông Nguyễn Văn D, cháu Nguyễn Tân M, sinh năm 2007; cháu Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2011 (giám hộ hợp pháp cho cháu M, cháu Đ: chị Phạm Thị P - mẹ đẻ) phải có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản thừa kế do anh Nguyễn Văn T để lại, trả cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Sông Công số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm và tuyên án (23/8/2022) là **2.545.593.470** (*Hai tỷ, năm trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm chín mươi ba ngàn bốn trăm bảy mươi đồng*), trong đó: Nợ gốc: 2.104.000.000đ; Nợ lãi trong hạn 298.364.182đ; Nợ lãi quá hạn 143.229.288đ.

3. Về lãi suất do đương sự chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (24/8/2022) hàng tháng chị Phúc và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Tuấn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng vay hạn mức cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý tài sản thế chấp:

Tiếp tục duy trì các Hợp đồng thế chấp tài sản gồm:

1. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 032.017.03/2020/HĐBĐ/NHCT222 ngày 17/03/2020. Của anh Tuấn và chị Phúc gồm:

- Tài sản xử lý để thu hồi nợ vay tại Hợp đồng thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 2013, tờ bản đồ số 68; Địa chỉ thửa đất: Phường Bắc Sơn, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; diện tích 128 m² đất ở đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AD 493452 do UBND huyện Phổ Yên (nay là UBND thành phố Phổ Yên) cấp ngày 14/04/2006. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Số: 00266/Số:1182/QĐ-UBND, mang tên ông Nguyễn Văn T.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 2014, tờ bản đồ số 68; Địa chỉ thửa đất: Phường Bắc Sơn, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; diện tích 100m² đất ở đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BB 158778 do UBND huyện Phổ Yên (nay là UBND thành phố Phổ Yên) cấp ngày

28/06/2010. Số vào sổ cấp GCN: 00249 /QSĐĐ/6623/QĐ-UBND, mang tên ông Nguyễn Văn T .

Giá trị được bảo đảm của tài sản theo biên bản định giá thế chấp là: 2.166.000.000đ. Tài sản trên hai thửa đất là ngôi nhà cấp 4 khung sắt kinh doanh quán ăn.

2. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 032.017.02/2020/HĐBĐ/NHCT222 ngày 12/03/2020.

Tài sản xử lý để thu hồi nợ vay tại Hợp đồng thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 1385, tờ bản đồ số 54; Địa chỉ thửa đất: xóm Bãi Hu, xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; Diện tích 98m² đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng lâu dài; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AC 620204 do UBND huyện Phổ Yên (Nay là UBND thành phố Phổ Yên) cấp ngày 05/08/2005. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00030/QSĐĐ/2895/ QĐ-UBND, mang tên bà Đào Thị T .

Giá trị của tài sản thế chấp được định giá theo hợp đồng thế chấp là: 882.000.000đ. Tài sản trên thửa đất là ngôi nhà 02 tầng khung thép chịu lực.

Trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam thì Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Sông Công có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết với Ngân hàng.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Sông Công còn thừa thì được trả lại cho chị Phúc và những người thế chấp. Nếu không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Sông Công thì Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Sông Công có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự buộc chị Phúc và những người liên quan liên đới tiếp tục phải thanh toán toàn bộ số dư nợ gốc, lãi còn lại cho Ngân hàng.

3. Chi phí thẩm định tài sản, chi phí đo đất: Buộc bị đơn (chị Phúc) có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng số tiền **5.000.000đ** (Năm triệu đồng) tiền chi phí thẩm định và đo đất (do Ngân hàng đã nộp và chi phí xong).

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Dân, bà Ngô Thị Nghi là người cao tuổi và hai con của chị Phúc với anh Tuấn chưa thành niên nên được miễn nộp án phí sơ thẩm.

Buộc chị Phạm Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (bằng 1/5 kỷ phần của nghĩa vụ phải chịu) là: **16.580.000đ** (Bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng).

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Sông Công không phải chịu án phí DSST. Trả lại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Sông Công tiền tạm ứng án phí đã nộp **40.250.000đ** (Bốn mươi triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số sê ri 0002132 ngày 12/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên.

5. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm có mặt (ông S) là đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam có mặt bị đơn còn là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị P) tại phiên tòa. Báo cho biết đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn ông D , bà N tại phiên tòa. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: (ông T , bà T) tại phiên tòa. Báo cho biết, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- Chi cục THADS thành phố Phổ Yên;
- UBND xã Phúc Thuận;
- UBND phường Bắc Sơn;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà